TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/12/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Le Thi Thanh T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số A, Nguyen Văn L, Tổ 5, khu phố C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2.Bị đơn: Ông Bui Anh Q, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số A, Nguyen Văn L, Tổ 5, khu phố C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Le Thi Thanh T trình bày:

Bà Le Thi Thanh T và ông Bui Anh Q đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng kể từ khi bà T sinh con thứ 2 được vài tháng thì phát hiện ông Q có người phụ nữ khác. Ông Q cam kết sẽ kết thúc mối quan hệ với người phụ nữ thứ 3 nên bà tha thứ để lo cho con. Đến năm 2020, ông Q tiếp tục có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không lo cho gia đình. Bà đã làm đơn ly hôn 02 lần vì con nên bà đã rút đơn nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Bui Anh Q.

Về con chung: Bà Le Thi Thanh T và ông Bui Anh Q có 02 con chung là cháu Bui Gia Son Tr, sinh ngày 30/10/2016 và Bui Gia Moc T1, sinh ngày 29/03/2018. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Bui Anh Q: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Le Thi Thanh T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Bui Anh Q đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, bị đơn ông Bui Anh Q không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Bui Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 16/06/2021, bà Le Thi Thanh T có đơn khởi kiện về yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung với ông Bui Anh Q nên đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Ông Bui Anh Q sinh sống tại số A, Nguyen Văn L, Tổ 5, khu phố C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Nguyên đơn bà Le Thi Thanh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là ông Bui Anh Q đã được Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Le Thi Thanh T và ông Bui Anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01/2012, ngày 12/12/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Bà Le Thi Thanh T trình bày, bà và ông Bui Anh Q sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông Q có người phụ nữ khác, không lo cho gia đình. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Q. Xét thấy, tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa ông Q và bà T tại UBND phường Đ thể hiện "Quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà T có báo khu phố nhiều lần nhưng khu phố không lập biên bản. Hiện tại vợ chồng đã ly thân với nhau". Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Q nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông Q không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, điều này chứng tỏ ông Q không có mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà Le Thi Thanh T và ông Bui Anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông Q.

[2.2] Về con chung: Bà Le Thi Thanh T và ông Bui Anh Q có 02 con chung tên Bui Gia Moc T1, sinh ngày 29/03/2018 và Bui Gia Son Tr, sinh ngày 30/10/2016. Bà T yêu cầu được nuôi các con chung. Xét thấy, bà T có thu nhập và chỗ ở ổn định, các cháu Son Tr và Moc T1 đều là con gái cần có sự chăm sóc của mẹ. Quá trình giải quyết vụ án ông Q không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, giao cháu Moc T1 và Sơn Tr cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Q không phải cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Le Thi Thanh T phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); ông Bui Anh Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Le Thi Thanh T đối với ông Bui Anh Q về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Le Thi Thanh T được ly hôn với ông Bui Anh Q.

- Về con chung: Giao cháu Bui Gia Moc T1, sinh ngày 29/03/2018 và Bui Gia Son Tr, sinh ngày 30/10/2016 cho bà Le Thi Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu nên ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án sơ thẩm: Bà Le Thi Thanh T phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0056465 ngày 08/07/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Đ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nga